TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2024/HS-PT
Ngày: 18-11-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hồng.
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Sinh
Bà Cao Thị Thanh Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Vân –Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Tạ Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 86/2024/TLPT-HS ngày 11 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo Lê Văn T, do có kháng cáo bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2024/HS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai.

Bị cáo có kháng cáo:

Lê Văn T, sinh ngày 01/01/1984 tại tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: Làng Ô, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T1 (đã chết) và bà Trần Thị V; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: 0; tiền án: 02

- Ngày 25/02/2008, bị Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 06 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", 03 năm tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", tổng hợp hình phạt chung của 02 tội là 09 năm tù, tại Bản án số 245/2008/HSPT. Chấp hành án tại Trại giam G, đến ngày 18/8/2015, chấp hành xong hình phạt tù.

- Ngày 22/11/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", tại Bản án số

155/2017/HSST. Chấp hành án tại Trại giam G đến ngày 16/12/2023 chấp hành xong hình phạt tù.

Nhân thân:

- Ngày 22/11/2001, bị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử phạt 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng về tội "Cướp tài sản", tại Bản án số 99/HS-ST.

- Ngày 12/11/2003, bị Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xử phạt 08 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", tổng hợp với hình phạt 24 tháng tù của bản án số 99/HS-ST ngày 22/11/2001 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 32 tháng tù, tại Bản án số 12/HSST. Ngày 07/01/2006, chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/02/2024 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh G. Có mặt tại phiên tòa.

Các bị cáo khác không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị:

1. Trần Đình T2, sinh ngày 16/6/1998 tại tỉnh Đăk Lăk; nơi thường trú: Tổ dân phố D, thị trấn I, huyện I, tỉnh Gia Lai; chỗ ở trước khi bị bắt: Tổ dân phố G, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Nhân viên giao hàng; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình H và bà Lê Thị T3; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: Không; tiền án: 01, ngày 25/10/2019, bị Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xử phạt 2 năm 6 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và 2 năm tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", tổng hợp hình phạt chung của 2 tội là 4 năm 6 tháng tù tại Bản án số 121/2019/HSST, chấp hành án tại Trại giam G đến ngày 01/5/2023, chấp hành xong hình phạt tù; nhân thân: Ngày 24/3/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại Bản án số 06/2015/HSST; ngày 24/3/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", tổng hợp với hình phạt 06 tháng tù tại Bản án số 06/2015/HSST, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 24 tháng tù, tại Bản án số 06/2016/HSST, chấp hành án tại Trại giam G đến ngày 21/3/2017, chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/01/2024 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh G. Có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Đình H1, sinh ngày 26/9/1994 tại tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: 3 H, tổ E, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần H2 và bà Nguyễn Thị L (Nguyễn Thị L1); bị cáo có vợ là Đinh Thị Thanh

H3 và có 01 con, sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 11/4/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xử phạt 30 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" và 42 tháng tù tội "Trộm cắp tài sản", tổng hợp hình phạt chung của 02 tội là 72 tháng tù, tại Bản án số 52/2014/HSST. Chấp hành án tại Trại giam G đến ngày 29/5/2018 chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/01/2024 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh G. Có mặt tại phiên tòa.

3. Lý Minh N, sinh ngày 01/01/2002 tại tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn S và bà Lê Thị N1; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/01/2024 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh G. Có mặt tại phiên tòa.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Văn T4, sinh năm 1986; địa chỉ: Làng Ô, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong quá trình chấp hành án tại Trại giam G – Bộ C, Trần Đình H1 và Trần Đình T2 có quen biết với Lê Văn T. Sau khi chấp hành xong án phạt tù, vào ngày 17/01/2024, Trần Đình H1 đi dự tiệc nhóm họ đám cưới bạn tại xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai thì gặp Lê Văn T. Trong quá trình nói chuyện thì H1 được biết T có ma túy đá (Methamphetamine) để bán. Lúc này, T giới thiệu nếu H1 có nhu cầu mua ma túy thì liên hệ thông qua Trần Đình T2 vì T chỉ tin tưởng T2 khi giao dịch mua bán ma tuý. Sau đó, H1 cho số điện thoại: 0867890805 để liên lạc với T2 qua số điện thoại: 0867275489. Đến khoảng 22 giờ 00 phút cùng ngày, Trần Đình H1 kết bạn qua ứng dụng Zalo qua số điện thoại 0867890805 với T2 qua số điện thoại 0867275489 để trao đổi qua tin nhắn thoại nội dung "Lấy một hộp mười (tức lấy 10 gram ma túy), sau đó Trần Đình T2 nhắn tin cho Lê Văn T qua ứng dụng Zalo số điện thoại 0708522345 với nội dung "10 giá bao nhiêu, bao giờ có, cu em nó hỏi quá" (tức ma tuý hộp 10 gram bao nhiêu tiền) thì T trả lời: "đá hả e, hay là khay" (tức ma túy đá hay ma tuý loại Ketamine), T2 nhắn tin "Đá anh, H1 mới gọi, bảo lấy hộp 10, mai lên đám cưới lấy á anh", T trả lời "Không được đâu, có gì lên trên này, xuống là không được", T2 nhắn tin "Dạ anh để em nói ảnh". Sau đó T2 nhắn tin cho H1 nói "Anh bảo là anh lên lấy, chứ anh T không mang xuống", (tức H1 phải đến

huyện L để lấy ma túy) thì H1 đồng ý và nhắn lại "M đám cưới xong lên với anh T luôn". Đến sáng ngày 18/01/2024, T2 và H1 gọi điện thoại hẹn uống cà phê tại đường N, thành phố P, tỉnh Gia Lai (không xác định được tên quán). Tại đây, H1 nói với T2 "Cho trả gối đầu tiền mua ma túy" (tức đưa tiền nhiều lần, vì không có đủ tiền), T2 nói "Gặp trực tiếp anh T để nói, chứ T2 không quyết định được". Sau đó, Trần Đình T2 gọi điện cho Lê Văn T hẹn đi đám cưới cũng như để nói chuyện với T về việc H1 mua nợ ma tuý. Sau đó Trần Đình T2 đón Lê Văn T ở đoạn gần khách sạn H5, thành phố P, tỉnh Gia Lai rồi đi đến quán cà phê tại địa chỉ: Số B đường T, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Sau đó T2 gọi điện thoại cho H1 đến gặp T nói chuyện về việc cho nợ tiền mua ma túy. Một lúc sau, Trần Đình H1 chở Lê Thị Huyền N2 là bạn của H1, đến gặp Trần Đình T2 và Lê Văn T, lúc này T2 đi mua phong bì để mừng đám cưới, còn Trần Đình H1 nói với Lê Văn T "Cho em lấy nợ" (tức cho nợ tiền mua ma tuý), thì T nói "Có bao nhiêu thì lấy bấy nhiêu, cho trả trước một nửa, nợ một nửa" thì H1 đồng ý. Sau đó, thì H1, N2, T và T2 cùng đi đám cưới. Đến khoảng 14 giờ 00 phút ngày 18/01/2024, sau khi ăn đám cưới xong, H1 liên lạc với T2 nói "Bây giờ anh có một triệu, cho anh lấy ma túy hai triệu, nợ lại một triệu" thì T2 đồng ý. Sau đó, H1 rủ Lý Minh N đi mua ma túy về để sử dụng thì N đồng ý. Lúc này, H1 gọi cho T2 nói "Giờ em dẫn anh đi lấy ma tuý", rồi nhắn tin qua ứng dụng Zalo hẹn gặp nhau trước đoạn đường tại nhà nghỉ H6 đường V, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Tại đây, Trần Đình H1 đưa 1.000.000 đồng cho T2 rồi T2 điều khiển xe mô tô biển số 81D1 - 094.00 đi một mình dẫn đường cho Trần Đình H1 điều khiển xe mô tô biển số 81C1 - 032.06 chở Lý Minh N đến huyện I, tỉnh Gia Lai.

Trên đường đi, Trần Đình T2 nhiều lần sử dụng hai số điện thoại 0867275489, 0347324863 để liên lạc với Lê Văn T, qua số điện thoại: 0977456581, 0708522345 để Tiếp chỉ dẫn địa điểm cất giấu ma tuý. Khi T2, H1 và N đi đến thị trấn I, huyện I, tỉnh Gia Lai, T2 tiếp tục gọi cho T thì T nói "Đi đường vào nhà anh có một cây muồng to, anh giấu ma túy ở gốc cây, cứ chỉ H4 lấy là được". Nghe vậy, T2 dẫn H1 và N đi đến khu vực vườn cà phê gần nhà Lê Văn T, thuộc Thôn T, thị trấn I, huyện I, tỉnh Gia Lai. Tại đây T2 nhìn xung quanh thấy một cây muồng to thì chỉ H1 và N chỗ để ma túy dưới gốc cây. Sau đó, N xuống xe tìm kiếm thì thấy một gói ma túy được để dưới gốc cây, N kiểm tra xác định đúng là ma túy thì cất vào người rồi cùng H1 đi về, còn Trần Đình T2 đi vào nhà Lê Văn T để đưa số tiền 1.000.000 đồng là số tiền mà H1 đã đưa cho T2 để mua ma túy. Lúc này, T nói với T2 là đợi lúc nào H1 trả 01 triệu đồng còn nợ thì sẽ cho T2 sau, rồi sau đó T2 đi về nhà. Ngày 19/01/2024, Trần Đình H1 điều khiển xe mô tô biển số 81C1 - 032.06 chở Lý Minh N mang theo gói ma tuý trên cất giấu trong người của N lưu thông hướng từ thành

phố P đi thị xã A, tỉnh Gia Lai. Khi đi đến địa phận tổ dân phố E, thị trấn K, huyện M thì bị lực lượng Công an huyện M kiểm tra, phát hiện tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với H1 và N, tạm giữ của Lý Minh N 01 (một) gói nilon bên trong chứa 2,8402 gram ma túy loại Methamphetamine, tạm giữ của Trần Đình H1 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi và 01 (một) xe mô tô biển số 81C1 - 032.06.

Căn cứ lời khai của Trần Đình H1, Trần Đình T2 và biên bản nhận dạng ngày 01/02/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Lê Văn T. Trong quá trình điều tra, Lê Văn T không thừa nhận hành vi phạm tội. Tiếp khai không quen biết với Trần Đình H1. Vào ngày 17/01/2024, T chỉ gặp H1 lần đầu tiên tại buổi nhóm họ của Lê Hoàng P nhưng không nói chuyện. Vào ngày 18/01/2024, T có gặp T2, H1 và N2 tại quán cà phê, địa chỉ: B T, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai nhưng không nói chuyện cũng như không bàn bạc việc mua bán ma túy. Sau khi đám cưới xong tại nhà hàng C1 thì T đi về nhà, không liên lạc cũng như không gặp Trần Đình T2 và Trần Đình H1 cho đến khi bị Công an huyện M bắt. Lê Văn T khai nhận từ trước đến nay, chỉ đăng kí sử dụng số điện thoại: 0708522345 và số 0862156270, tuy nhiên điện thoại và sim số 0708522345 bị mất vào ngày 19/01/2024. Tiếp không thừa nhận có sử dụng số điện thoại 0977456581. Ngày 10/4/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M đã làm việc với Lê Văn T4 là em ruột của Lê Văn T, Lê Văn T4 khai nhận số điện thoại 0977456581 là của Theo. Vào tháng 12/2023, khi T chấp hành xong hình phạt tù về địa phương sinh sống, do không có số điện thoại để liên lạc nên Theo đã cho số điện thoại này để Tiếp liên lạc. Sau đó, số điện thoại 0977456581 này được Tiếp sử dụng để liên lạc thường xuyên cho đến khi bị cơ quan công an bắt giữ. Đối với số điện thoại 0708522345, qua xác minh tại Chi nhánh M1 xác định đây là số điện thoại thuộc đăng ký sở hữu của Lê Văn T. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, Trần Đình H1, Lý Minh N và Trần Đình T2 đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của Trần Đình H1, Lý Minh N và Trần Đình T2 phù hợp với các tài liệu, chứng cứ cơ quan điều tra thu thập được.

* Vật chứng của vụ án và đồ vật tạm giữ:

- 01 (một) gói nilon có trọng lượng 2,8402 gram bên trong chứa nhiều chất màu trắng, dạng tinh thể, loại Methamphetamie, sau khi giám định còn lại 2,7598 gram. Tất cả được niêm phong trong bì C2 Công an tỉnh G, có đặc điểm mặt trước có dòng chữ "Số 159/PC09 ngày 27 tháng 01 năm 2024", tại mép dán mặt sau bì công văn có đóng các dấu tròn của Phòng K, nội dung "CÔNG AN TỈNH GIA LAI*PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ" và các chữ ký, chữ viết của ông: Triệu Tín

N3, Bùi Sĩ T5 và ông Trần Đình N4;

- 01 (một) xe mô tô biển số: 81C1-032.06 (đã qua sử dụng) thu giữ của Trần Đình H1;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, màu đen (đã qua sử dụng) lắp sim số: 0867890805, số seri: 8984048000930922960 thu giữ của Trần Đình H1;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung, màu hồng (đã qua sử dụng), lắp sim số: 0867275489 và 0347324863, số seri 8984048000925145811 và số seri: 8984048000900526598 thu giữ của Trần Đình T2;

- 01 (một) xe mô tô biển số 81D1-094.00 (đã qua sử dụng), thu giữ của Trần Đình T2;

- 01 (một) hộp nhựa, bên trong chứa 60 (sáu mươi) tấm danh thiếp màu đen ghi "CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG IOTHOSE PHÓ GIÁM ĐỐC: MR TRẦN ĐÌNH T2; HOTLINE: 0867275489" thu giữ của Trần Đình T2;

- 01 (một) hộp nhựa, bên trong chứa 80 (sáu mươi) tấm danh thiếp màu đen ghi "CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG IOTHOSE GIÁM ĐỐC: M2; HOTLINE: 0763476678" thu giữ của Trần Đình T2;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu hồng (đã qua sử dụng), không có sim thu giữ của Lê Văn T;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen (đã qua sử dụng), lắp sim số: 0862156270, số seri: 8984048000920936654, thu giữ của Lê Văn T.

2. Giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2024/HS - ST ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Lê Văn T và Trần Đình T2 phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*"; các bị cáo Trần Đình H1 và Lý Minh N phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*.

- Áp dụng điểm q khoản 2 Điều 251; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày ngày 01/02/2024.

- Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s, t khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Đình T2 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/01/2024.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s, t khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Trần Đình H1 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày

19/01/2024.

+ Xử phạt bị cáo Lý Minh N 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày ngày 19/01/2024.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, nghĩa vụ chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

3. Kháng cáo của bị cáo:

Ngày 16/9/2024, bị cáo Lê Văn T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ hồ sơ vụ án để bị cáo được minh oan.

4. Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Lê Văn T giữ nguyên nội dung kháng cáo. Bị cáo tự đọc 05 trang giấy viết tay tranh luận cho rằng bị truy tố, xét xử oan, bị cáo khai giấy này nhờ Nguyễn Hữu T6 là người giam cùng phòng với bị cáo viết giúp, bị cáo học đọc khi đi chấp hành án trước đây.

Bị cáo xác nhận có gặp bị cáo T2, H1 và N2 bạn của H1 tại quán cà phê và tại đám cưới nhưng không trao đổi gì liên quan ma tuý, xác nhận có nhắn tin với bị cáo T2 nội dung mua đá xay để xây dựng chứ không phải nội dung là ma tuý đá, có hẹn và nhiều lần gọi điện thoại qua lại với bị cáo T2 mục đích chỉ đường cho T2 vào nhà trả nợ 3.000.000 đồng cho bị cáo chứ không nhận 1.000.000 đồng tiền mua ma tuý như bị cáo T2 khai; xác nhận có sử dụng số điện thoại 0708522345 do bị cáo đứng tên và số điện thoại 0977456581 do em của bị cáo là Lê Văn T4 cho bị cáo nhưng số này chỉ sử dụng một thời gian thì không dùng nữa.

- Các bị cáo Trần Đình T2, Trần Đình H1 và Lý Minh N giữ nguyên lời khai như tại cấp sơ thẩm, xác nhận bản án sơ thẩm tuyên đúng người, đúng tội, xác nhận bị cáo T là người bán ma tuý, chỉ đường cho các bị cáo đến khu vực gần nhà bị cáo T để lấy ma tuý. Bị cáo T2 xác nhận nội dung tin nhắn zalo giữa bị cáo và bị cáo T là trao đổi việc mua bán ma tuý chứ không phải mua bán đá xay như bị cáo T trình bày.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Văn T4: Xác nhận số điện thoại 0977456581 do anh đăng ký, nhưng khi bị cáo T chấp hành án về thì anh đã cho bị cáo sim số điện thoại này để sử dụng và bị cáo T sử dụng từ khi được cho đến khi bị cáo T bị bắt.

- Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê

Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm và buộc bị cáo Lê Văn T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà, bị cáo Lê Văn T tự đọc 05 trang giấy viết tay tranh luận cho rằng bị truy tố, xét xử oan và khai các trang giấy này nhờ Nguyễn Hữu T6 là người giam cùng phòng với bị cáo viết giúp, Hội đồng xét xử kiểm tra các tờ giấy bị cáo đã đọc đều không có xác nhận của nơi giam giữ nên Hội đồng xét xử không tiếp nhận để lưu hồ sơ vụ án mà chỉ ghi nhận các nội dung trình bày của bị cáo.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Xét tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Trần Đình T2, Trần Đình H1 và Lý Minh N đều khai nhận tội và chỉ ra bị cáo T bán ma tuý, chỉ đường, chỉ chỗ cho các bị cáo nhận ma tuý. Bị cáo Lê Văn T xác nhận vào ngày 17, 18/01/2024, bị cáo có gặp bị cáo Trần Đình T2; ngày 18/01/2024, bị cáo có gặp bị cáo Trần Đình H1, chị Lê Thị Huyền N2 là bạn của bị cáo H1; bị cáo có nhắn tin với bị cáo T2 vào tối ngày 17/01/2024, bị cáo giải thích nội dung tin nhắn "đa ha e hay la khay" là “10 đá xay”, do nhà bị cáo ở gần mỏ đá, ai cần mua thì bị cáo giới thiệu mua giúp, các tin nhắn sau bị cáo cho rằng không biết, không nhắn; bị cáo T cũng thừa nhận bản thân bị cáo sử dụng hai số điện thoại 0708522345 do bị cáo đăng ký tên chính chủ và số điện thoại 0977456581 là của anh Lê Văn T4 (em trai của bị cáo) cho bị cáo, tuy nhiên bị cáo chỉ sử dụng thời gian đầu, sau đó bị cáo không còn sử dụng; bị cáo cũng thừa nhận chiều ngày 18/01/2024, bị cáo có gọi điện thoại qua lại với bị cáo T2 với mục đích chỉ đường cho bị cáo T2 vào nhà của bị cáo trả nợ 3.000.000 đồng mà bị cáo T2 đã mượn của bị cáo trước đó. Bị cáo cho rằng bị truy tố, xét xử oan.

Căn cứ lời khai của các bị cáo, đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Bản ảnh dữ liệu trích xuất từ điện thoại thu giữ của T2, H1 và có xác nhận của các bị cáo về nội dung trao đổi qua lại việc mua bán ma túy thông qua ứng dụng zalo giữa bị cáo T2 với bị cáo H1 và giữa bị cáo H1 với bị cáo T; lịch sử cuộc gọi vào chiều ngày 18/01/2024 khi các bị cáo đi đến khu vực gần nhà bị cáo T để lấy ma túy; căn cứ vào loại và số lượng ma túy thu giữ được, có đủ

cơ sở kết luận Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Văn T về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" là có căn cứ, đúng tội.

Bị cáo T có 02 tiền án về tội "Trộm cắp tài sản", "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" đến tội "Mua bán trái phép chất ma túy" nay tiếp tục phạm tội nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" với tình tiết định khung *"Tái phạm nguy hiểm"* theo điểm q khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự là đúng quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Lê Văn T.

[3] Do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bị cáo T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn T. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 31/2024/HS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai đối với bị cáo Lê Văn T.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy"*.

Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng điểm q khoản 2 Điều 251; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Văn T **10** (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/02/2024.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Buộc bị cáo Lê Văn T phải nộp 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) để sung Ngân sách nhà nước.

- Trả lại cho bị cáo Lê Văn T: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu hồng (đã qua sử dụng) không có sim và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen (đã qua sử dụng), lắp sim số: 0862156270, số seri: 8984048000920936654 (thu giữ của Lê Văn T). Tất cả được niêm phong trong bì công văn, có đặc điểm mặt trước có dòng chữ "ĐIỆN THOẠI LÊ VĂN T", tại mép

dán mặt sau bì công văn có đóng dấu tròn của Công an huyện M, nội dung "CÔNG AN HUYỆN MANG YANG*CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA" và các chữ ký, chữ viết của ông: Đặng Thanh B, Nguyễn Văn Ú, Lê Văn T.

Về án phí: Buộc bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND huyện Mang Yang;
- VKSND huyện Mang Yang;
- Công an huyện Mang Yang;
- Chi cục THADS huyện Mang Yang;
- Bị cáo;
- Trại Tạm giam CA tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án, THS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Hồng